

CÔNG TY TNHH LIÊN THÀNH VN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA “CÔNG TY TNHH LIÊN THÀNH VN”**

Địa điểm: Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh
Hải Dương, Việt Nam

Hải Dương, Tháng 11 năm 2024

CÔNG TY TNHH LIÊN THÀNH VN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA “CÔNG TY TNHH LIÊN THÀNH VN”**

Địa điểm: Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh
Hải Dương, Việt Nam



CHỦ CƠ SỞ

**GIÁM ĐỐC
VŨ THỊ BÌNH**

Hải Dương, Tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	iv
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC HÌNH	vii
MỞ ĐẦU	1
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	2
1. Tên chủ cơ sở	2
2. Tên cơ sở	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	4
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	6
5.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở.....	6
5.2. Vị trí thực hiện của cơ sở	7
5.3 Các hạng mục công trình của cơ sở	8
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	10
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	10
2. Sự phù hợp của nhà máy với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	12
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	12
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	12
1.3. Công trình xử lý nước thải	13
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	17
2.1. Thông thoáng nhà xưởng	17
2.2. Các công trình xử lý khí thải nhà máy	18
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại	20
3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	20
3.2. Công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt.....	21
4. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại	21
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung	23

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành	24
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bể tự hoại	24
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải và khu vực lưu giữ chất thải rắn nguy hại của nhà máy	24
6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác	26
7. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch Bảo vệ môi trường	30
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	31
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	31
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải	32
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	32
4. Quản lý chất thải rắn	33
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	34
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải và nước mặt	34
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí	35
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ...	36
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở	36
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	36
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình , thiết bị xử lý chất thải.	36
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	36
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	36
2.2. Chương trình quan tự động, liên tục chất thải.....	37
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: không có.....	37
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của nhà máy: không có	37
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	38
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	39

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Quy mô công suất	2
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu chính cho 01 năm sản xuất ổn định của cơ sở.....	4
Bảng 1.3: Thống kê lượng nước sử dụng của nhà máy năm 2024	5
Bảng 1.4: Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện, nước nhà máy.....	6
Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị.....	6
Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của cơ sở.....	8
Bảng 1.7: Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường nhà máy xin xác nhận cấp giấy phép môi trường	9
Bảng 3.1. Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thoát nước của cơ sở.....	12
Bảng 3. 2 Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom, thoát nước mặt và nước thải	13
Bảng 3.3. Thiết bị sử dụng trong trạm xử lý nước thải của nhà máy	16
Bảng 3.4. Kích thước các bể xử lý của trạm xử lý nước thải.....	16
Bảng 3.5. Danh mục hoá chất sử dụng trong quá trình xử lý nước thải	17
Bảng 3.6. Danh mục thiết bị hệ thống xử lý khí thải.....	19
Bảng 3.7. Thành phần, khối lượng CTR thông thường.....	20
Bảng 3.8. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh	22
Bảng 3.9. Danh mục thiết bị, phục vụ cho PCCC của nhà máy.....	28
Bảng 3.10. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.....	30
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	31
Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....	32
Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	32
Bảng 4.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	33
Bảng 4. 5. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn nguy hại phát sinh.....	33
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023 và năm 2024 của nhà máy.....	34
Bảng 5.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh của nhà máy năm 2023 và năm 2024.....	35
Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	36
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc các công trình xử lý chất thải của nhà máy.....	36

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình gia công nguyên liệu ngành giày.....	3
Hình 1.2. Vị trí địa lý của cơ sở.....	7
Hình 1.3. Hiện trạng một số khu vực của nhà máy.....	8
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn.....	12
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở.....	12
Hình 3.3. Sơ đồ cấu trúc bể tự hoại.....	14
Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn.....	14
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.....	15
Hình 3.6. Sơ đồ thông gió cưỡng bức của xưởng sản xuất.....	17
Hình 3.7. Quạt hút công nghiệp.....	18
Hình 3.8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải.....	19
Hình 3.9. Các kho chứa rác thải nhà máy.....	23

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Liên Thành VN được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0801143874, đăng ký lần đầu ngày 13/8/2015.

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2016.

Năm 2016, Công ty thuê lại 01 nhà xưởng diện tích 1.250 m² tại thôn Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng của Công ty Cổ phần Liên Hòa để hoạt động gia công các nguyên vật liệu ngành da giày (gia công sản phẩm cho Công ty TNHH Nam Sinh).

Năm 2019, Công ty tiếp tục thuê 03 nhà xưởng với tổng diện tích 4.346,36 m² tại thôn Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng của Công ty Cổ phần Liên Hòa theo hợp đồng số 01/HĐKT 2019. Công ty TNHH Liên Thành VN đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án “Cơ sở gia công nguyên liệu giày da, giày vải” tại Thôn Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương làm cơ sở đánh giá cho hoạt động hiện tại, làm căn cứ để xây dựng và hoàn thiện các biện pháp bảo vệ môi trường được UBND huyện Cẩm Giàng cấp giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 619/GXN-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2019.

Hiện nay, Công ty chỉ còn thuê 1 nhà kho số 02 với tổng diện tích 1.500 m² tại thửa đất số 629 thôn Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương của Công ty Cổ phần Liên Hoà theo hợp đồng số 01/HĐKT 2024. Hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động gia công các nguyên vật liệu ngành giày dép; số lượng cán bộ công nhân viên là 80 người.

Căn cứ khoản 4, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, dự án Công ty TNHH Liên Thành VN thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường do Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng phê duyệt. Lĩnh vực sản xuất và quy mô dự án quy định tại Mục II.2 phụ lục V ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở được lập theo mẫu tại phụ lục phụ XII ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng cấp giấy phép.

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

* Công ty TNHH Liên Thành VN

- Địa chỉ trụ sở: Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

- Điện thoại: 0168.4646777

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

+ (Bà): Vũ Thị Bình Chức danh: Giám đốc

+ Giấy đăng ký kinh doanh: Công ty TNHH Liên Thành VN được phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0801143874, cấp đăng ký lần đầu ngày 13/08/2015.

2. Tên cơ sở

* Công ty TNHH Liên Thành VN

- Địa điểm cơ sở: Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam;

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801143874 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 08 năm 2015

- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 619/GXN- UBND được Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng cấp ngày 27 tháng 08 năm 2019

- Giấy chứng nhận số: 67/TD-PCCC Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/04/2016.

- Quy mô cơ sở: 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng). Với quy mô cơ sở như trên thì cơ sở thuộc nhóm C theo Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất sản xuất của công ty TNHH Liên Thành VN được thể hiện trong bảng sau:

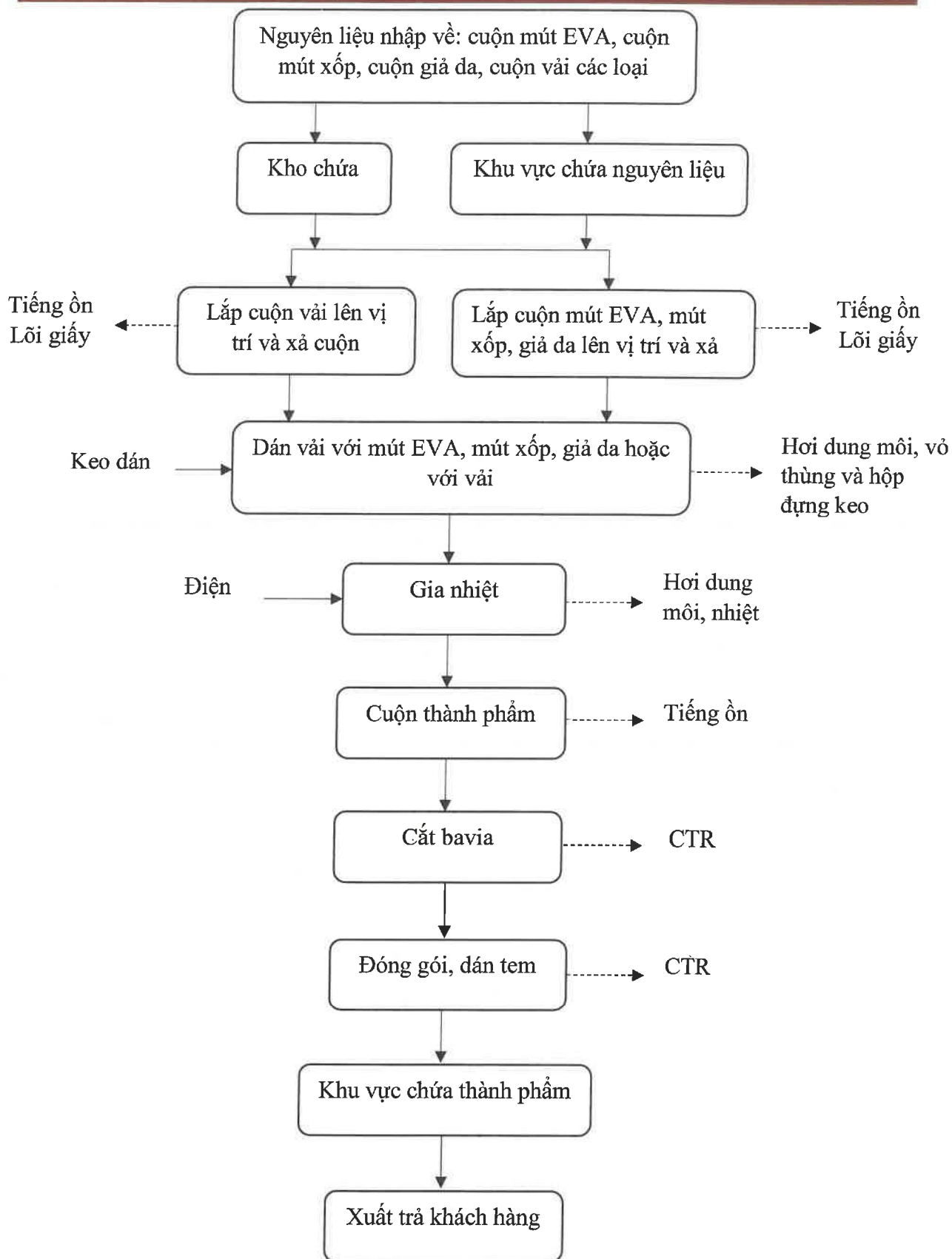
Bảng 1.1. Quy mô công suất

TT	Tên sản phẩm	Công suất
1	Gia công nguyên liệu giày	100.000 m ² / năm

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Quy trình gia công nguyên liệu ngành giày.

Quy trình công nghệ cụ thể như sau:



Hình 1.1. Quy trình gia công nguyên liệu ngành giày

Thuyết minh quy trình:

- Nguyên liệu (cuộn vải các loại, cuộn mút xốp, cuộn mút EVA) nhập về từ khách hàng được chứa về kho và khu vực chứa nguyên liệu.

- Cuộn vải và cuộn mút EVA hoặc mút xốp được xả, bôi keo tự động, dán vào nhau và đi vào buồng gia nhiệt ở nhiệt độ khoảng 60°C để tăng cường độ kết dính của keo.

- Sau buồng gia nhiệt, thành phẩm được cuộn thành nhờ lõi giấy. Sau đó công nhân sẽ cắt các bavia (nếu có).

- Cuộn giấy thành phẩm được đóng gói, dán tem và chuyển đến khu vực lưu trữ tạm thời trong nhà xưởng rồi xuất trả khách hàng.

Các loại chất thải phát sinh như trình bày tại sơ đồ quy trình sản xuất ở trên bao gồm: tiếng ồn, nhiệt, hơi dung môi, thùng và hộp đựng keo, CTR (lõi giấy, bavia, túi nilon hỏng, tem hỏng).

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm đầu ra: Nguyên liệu giày đã gia công

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu chính cho 01 năm sản xuất ổn định của cơ sở

TT	Nguyên liệu thô/hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Tính chất
1	Vải Canvas	m ²	75.000	- Vải Canvas có độ bền cao và độ chống thấm nước tốt, kết hợp với các chất liệu hóa học khác nhằm tăng thêm tính bền, tính thấm nước, tính chống cháy, tính kháng nấm mốc,...
	Vải Muslin			- Có khả năng giữ màu vải tốt. Là chất liệu có nguồn gốc từ sợi cotton tự nhiên nên rất lành tính và không gây nguy hại về sức khỏe cho người sử dụng. - Vải chủ yếu được làm từ chất liệu sợi bông tự nhiên. - Mỏng và mềm mịn. - Dễ bị nhăn, dễ bắt cháy, có thể gây xém vải, ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm.
2	Mút xốp, mút EVA	m ²	75.000	- Xốp EVA có tính linh hoạt cao. - Xốp EVA có khả năng chống va đập tốt. - Có tính cách điện tốt. - Khả năng chống thấm nước và hút ẩm thấp.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Liên Thành VN

				- Dễ gia công
3	Keo dán Viny Acetate-Ethylene Copolymer Emulsion (VAE) DA-102H	kg	5.000	- Độ bám dính tốt trên nhiều vật liệu & chống nước tốt. Phù hợp cho các ứng dụng: dán dính bao bì, cán màng opp, pvc, metalize, cán vải và mouse eva. - Độ bền cao. - Khả năng tương thích các chất làm, chất hoá dẻo, dung môi và chất độn khác tốt.

Nguồn: Công ty TNHH Liên Thành VN

*** Nhu cầu sử dụng điện**

- **Nhu cầu cấp điện:** Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở khoảng 5.274 KWh/tháng (Theo hóa đơn tiền năm 2024 đính kèm phụ lục báo cáo).

- **Nguồn cung cấp:** Điện được lấy từ đường dây 35 KV của khu vực phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

+ Điện từ trạm biến áp 560 KVA của Công ty cổ phần Liên Hòa dẫn đến các nhà xưởng và các công trình phụ trợ bằng loại cáp Cu/XLPE/PVC (3x25+1x16) mm² chạy ngầm dưới đất. Cáp chạy bên trong ống nhựa để được bảo vệ an toàn và thuận tiện cho công tác bảo dưỡng, thay thế.

+ Tại các xưởng có tủ điện riêng. Bảo vệ hệ thống điện bằng cầu dao, aptomat cho từng khu vực, từng máy móc, thiết bị

*** Nhu cầu sử dụng nước**

Nước sử dụng của dự án dùng chung với nguồn nước sạch của Công ty cổ phần Liên Hòa, lấy từ mạng lưới cung cấp nước sạch của địa phương. Nước sạch từ bể chứa (200 m³) bố trí ở góc phía Đông Bắc của Cơ sở được bơm theo các đường ống nhựa HDPE D32 dẫn tới các khu vực sử dụng nước của dự án (khu vệ sinh, các khu vực rửa tay, khu vực rửa bản in và các khu nhà văn phòng, khu nhà bếp và ăn ca, khu sản xuất của Công ty CP Liên Hòa). Đường ống dẫn nước được chôn ngầm để đảm bảo mỹ quan và bảo vệ đường ống.

- Lượng nước sử dụng thực tế của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3: Thống kê lượng nước sử dụng của nhà máy năm 2024

Tháng	Tổng lượng nước tiêu thụ (m ³ /tháng)	Lượng nước tiêu thụ (m ³ /ngày)
5	99	3,8
6	110,5	4,25
7	117,5	4,52
Trung bình tổng	109	4,19

(Nguồn: Theo hóa đơn tiền nước do nhà máy cấp)

Bảng 1.4: Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện, nước nhà máy

STT	Hạng mục	Khối lượng
1	Nhu cầu sử dụng điện (KWh/tháng)	5.273
2	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /tháng)	109

b. Nhu cầu về máy móc thiết bị

Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn vị	Công suất	Số lượng
1	Máy cắt ép nguyên liệu (da) tự động, loại đặt cố định, dùng trong công nghiệp sản xuất giấy dếp	Đài Loan	2015	Máy	Model: DY-480N, 380V/2,5KW	1
2	Máy bồi vải loại đặt cố định dùng trong công nghiệp sản xuất giấy dếp	Đài Loan	2015	Máy	Model HY-1500-30, 380V/50HZ/5KW	2
3	Máy bồi vải loại đặt cố định dùng trong công nghiệp sản xuất giấy dếp	Đài Loan	2015	Máy	Model HY-1500-30, 380V/50HZ/5,2KW	2
4	Máy cán, ép phẳng da-vải tự động kiểu trục con lăn	Đài Loan	2015	Máy	380V/50HZ/10KW	1
5	Máy bồi vải loại đặt cố định, điều khiển tự động bằng điện tử dùng trong công nghiệp sản xuất giấy dếp	Đài Loan	2015		Model HY-1500-030 380V/50HZ/5KW	1
6	Máy bồi keo	Đài Loan	2015	Máy	380V/36KW	1
7	Máy bồi vải	Đài Loan	2015	Máy	380V/25HP	1
8	Máy lăn keo tự dính	Đài Loan	2015	Máy	380V/70KW	1

Nguồn: Công Ty TNHH Liên Thành VN

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở

Năm 2016, Công ty thuê lại 01 nhà xưởng diện tích 1.500 m² tại thôn Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng của Công ty Cổ phần Liên Hòa để hoạt động gia công các nguyên vật liệu ngành da giấy (gia công sản phẩm cho Công ty TNHH Nam Sinh).

Năm 2019, Công ty tiếp tục thuê 03 nhà xưởng với tổng diện tích 4.346,36 m² tại thôn Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng của Công ty Cổ phần Liên

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Liên Thành VN

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Liên Thành VN

Hòa theo hợp đồng số 01/HĐKT 2019. Công ty TNHH Liên Thành VN đã thực hiện đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường của Dự án “Cơ sở gia công nguyên liệu giấy da, giấy vải” của ngày 22 tháng 8 năm 2019 và được xác nhận theo số 619/GXN-UBND của UBND huyện Cẩm Giàng ký ngày 27/08/2019.

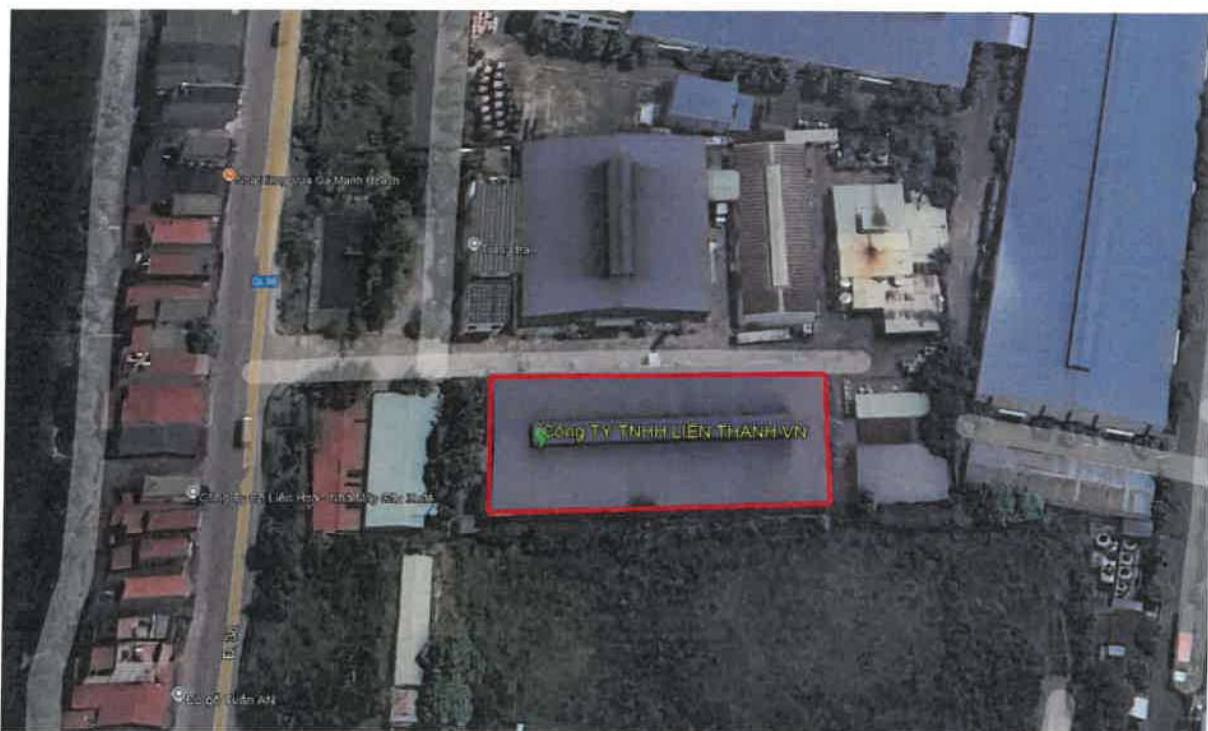
Năm 2024, Công ty chỉ còn tập trung vào gia công nguyên liệu ngành giày nên công ty chỉ thuê lại một nhà xưởng số 02 của Công ty Cổ phần Liên Hoà theo hợp đồng số 01/HĐKT 2024 với diện tích 1.500 m². Hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động gia công các nguyên vật liệu ngành giày dép; số lượng cán bộ công nhân viên là 80 người.

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2016.

5.2. Vị trí thực hiện của cơ sở

Vị trí: thôn Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

- + Phía Bắc là sân đường nội bộ và nhà kho 3 của Công ty Cổ phần Liên Hoà.
- + Phía Đông giáp Công ty TNHH MTV thiết bị điện Hoàng Dương.
- + Phía Nam giáp Công ty thiết lập gas Thái Bình Dương.
- + Phía Tây giáp hành lang giao thông đường Quốc lộ 38.



Hình 1.2. Vị trí địa lý của cơ sở

Quy mô cơ sở:

- Diện tích cơ sở: 1.500 m²
- Thời hạn thuê nhà xưởng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng số: 01/HĐKT 2024 ngày 02/01/2024. Hợp đồng cũng được chấm dứt trước thời hạn theo thoả thuận bằng văn bản của hai bên.

5.3 Các hạng mục công trình của cơ sở

Hiện nay cơ sở đã được xây dựng hoàn thiện nhà xưởng, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường theo giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 619/GXN- UBND được Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng cấp ngày 27 tháng 08 năm 2019.

Tổng diện tích khu đất thực hiện cơ sở là 1.500 m².

Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Tên hạng mục	ĐVT	Số lượng
1	Nhà xưởng + Văn phòng	m ²	1.500
3	Nhà vệ sinh	m ²	30
4	Kho hoá chất	m ²	32
5	Kho chất thải nguy hại	m ²	70
	Tổng		1.632

Nguồn: Công ty TNHH Liên Thành VN



Hình 1.3. Hiện trạng một số khu vực của nhà máy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Liên Thành VN

- Phạm vi báo cáo: Xin cấp giấy phép môi trường cho “Công ty TNHH Liên Thành VN” với tổng diện tích 1.500m²

- Các công trình bảo vệ môi trường nhà máy xin xác nhận cấp giấy phép môi trường như sau:

Bảng 1.7: Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường nhà máy xin xác nhận cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục theo KHBVMT	Quy mô, công suất
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	1 hệ thống
2	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	1 hệ thống
3	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt	Công suất 10 m ³ /ngày.đêm, công nghệ xử lý sinh học
4	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực dán keo	Công suất 5.200 - 8.300 m ³ /h
5	Khu lưu giữ chất thải (CTNH + CTTT)	Có tổng diện tích là 70m ²

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Quy hoạch tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023.

“Công ty TNHH Liên Thành VN” góp phần quan trọng vào việc thực hiện thành công chương trình: “Phát triển mạnh CN – TTCN gắn với phát triển thương mại, dịch vụ của tỉnh giai đoạn 2020 – 2030”, phù hợp với các quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh Hải Dương như sau:

- Quyết định số: 611/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

- Quyết định số 880/QĐ-TTg, ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số: 3130/QĐ-UBND về việc phê duyệt “quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 14/08/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cẩm Giàng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

*** Các văn bản pháp lý của UBND tỉnh Hải Dương về BVMT:**

- Quyết định số: 26/2020/QĐ-UBND ngày 27/03/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương

- Quyết định số: 23/2016/QĐ-UBND ngày 5 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hải Dương đối với khả năng chịu tải của môi trường.

- Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 27/03/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch Số: 133/KH-UBND về triển khai đề án “xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh Hải Dương.

Như vậy, địa điểm thực hiện “ Công ty TNHH Liên Thành VN” là hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương nói chung và kinh tế huyện Cẩm Giàng nói riêng.

2. Sự phù hợp của nhà máy với khả năng chịu tải của môi trường

Khoảng cách gần nhất của dự án đến khu dân cư: Cách khu dân cư gần nhất là 100m. Tuy nhiên, dự án còn cách khu dân cư qua các tuyến đường gom và đường Quốc lộ 38 nên những tác động đến khu dân cư là không rõ ràng.

- Đối với môi trường nước: Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể phốt và được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty có công suất 10m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCCP trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Đối với môi trường không khí: Tổng hợp số liệu tại các điểm quan trắc định kỳ, và số liệu của các trạm quan trắc tự động từ năm 2023 đến năm 2024 đánh giá chung chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh tại các khu vực dân cư, làng nghề nhìn chung duy trì ở mức tốt với nồng độ các bụi và các khí tại các vị trí quan trắc đều đạt QCCP.

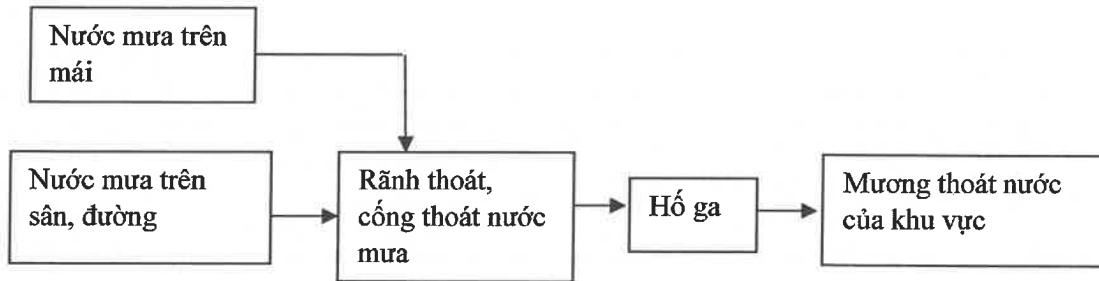
- Đối với chất thải rắn: Trong quá trình hoạt động, chủ dự án đã phối hợp với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định của pháp luật. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh để thu gom và xử lý toàn bộ chất thải sản xuất và chất thải nguy hại.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn được thể hiện trên hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn

*** Mô tả quy trình:**

Nước mưa từ mái công trình theo các ống dẫn PVC D110 chảy xuống hệ thống rãnh thoát nước mặt chạy xung quanh công trình (có kích thước 300x500 mm, 500x600 mm) rồi chảy vào hệ thống đường cống bê tông (D600) chạy dọc trục đường giao thông nội bộ dẫn ra kênh thoát nước của khu vực phía trước cổng cơ sở tại tọa độ:

$$X = 2\ 317\ 658,71; Y = 568\ 957,91.$$

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường theo các cửa thu của các hố ga chảy vào các rãnh, cống thoát nước mưa. Kích thước hố ga 700x700 mm.

Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống rãnh, cống, hố ga dẫn nước mưa với tần suất 6 tháng/lần. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

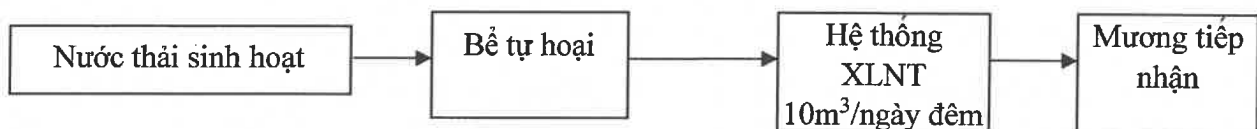
Thường xuyên vệ sinh sân, đường để giảm bớt nồng độ các chất bẩn theo nước mưa.

Bảng 3.1. Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thoát nước của cơ sở

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh thoát nước xây gạch đập đan	500x600	m	30
2	Rãnh thoát nước xây gạch đập đan	300x500	m	76
3	Hố ga	700x700	cái	10

Nguồn: Công ty TNHH Liên Thành VN

1.2.1. Công trình thu gom nước thải của nhà máy



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở

❖ Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh (gồm cả nước đen và nước xám) được dẫn đi

theo 02 đường ống riêng và được đặt ngầm trong tường đảm bảo mỹ quan kiến trúc.

+ Nước thải đen của nhà máy (từ bộ xí, bộ tiểu) chảy vào các ngăn chứa của các bể tự hoại. Nước thải sau xử lý sơ bộ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để xử lý cùng nước thải xám.

1.2.2. Công trình thoát nước thải

Sau khi nước thải được xử lý tại hệ thống sẽ được bơm bằng ống PPP D32 (L=150m) về ga thoát nước thải. Nước thải từ hố ga thoát nước sẽ chảy theo ống PVC D110 (L= 200m) ra mương thoát nước chung của khu vực.

+ Vị trí điểm xả thải tại nguồn tiếp nhận: theo tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực
105⁰30', múi chiều 3⁰)

$$X = 2\ 317\ 650,09; Y = 568\ 954,19$$

- Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức

- Chế độ xả: Gián đoạn

- Nguồn tiếp nhận: Mương thoát nước chung của khu vực

(Vị trí điểm xả được thể hiện tại bản vẽ thoát nước thải đính kèm phụ lục báo cáo)

Bảng 3.2 Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom, thoát nước mặt và nước thải

Hệ thống thoát nước mặt			
1	Rãnh thoát nước xây gạch đập đan (500x600)	m	30
2	Rãnh thoát nước xây gạch đập đan (300x500)	m	76
3	Hố ga (700x700)	cái	10
Hệ thống thoát nước thải			
1	Ống PVC D110	m	200
2	Ống PPP D32	m	150
4	Hố ga	Cái	1

Nguồn: Công ty TNHH Liên Thành VN

1.2.3. Đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của điểm xả nước thải, điểm đầu nối nước thải, nguồn tiếp nhận nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải và nước mưa của nhà máy đã được tách riêng biệt và bảo đảm kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng;

- Vị trí đầu nối nước thải nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp và hố ga đầu nối được bố trí bên ngoài phần đất của cơ sở đảm bảo khả năng thoát nước;

- Thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hố ga để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

1.3. Công trình xử lý nước thải

a. Thuyết minh lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Liên Thành VN

- Cơ sở lựa chọn công nghệ xử lý nước thải:

Theo Kế hoạch BVMT đã đăng ký với UBND huyện, cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, cơ sở đã áp dụng công nghệ sinh học để xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt mức A QCVN 14:2008/BTNMT.

b. Công trình xử lý nước thải

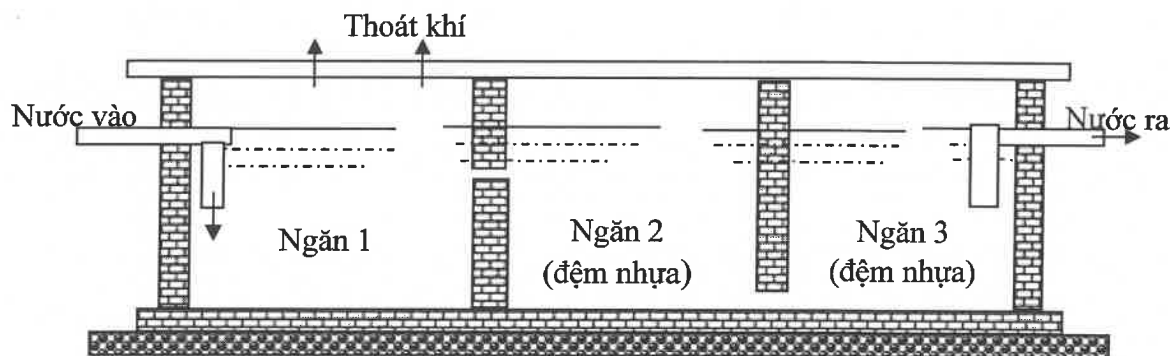
*** Xử lý sơ bộ nước thải vệ sinh**

Theo Bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với UBND huyện Cẩm Giàng, quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất.

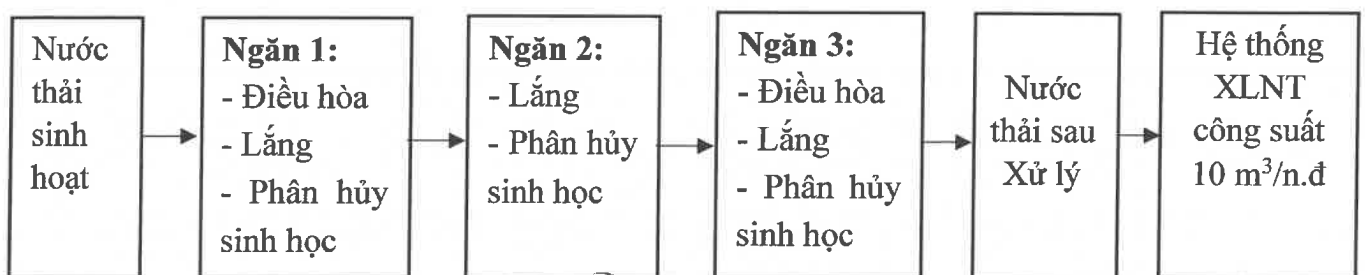
Chủ cơ sở đã xây dựng 1 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích các bể 10m³ (3,5x1,5x2m) để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh.

- Kết cấu bể tự hoại: Xây ngầm dưới các công trình, tường bể xây gạch đặc dày 220, xây trát vữa xi măng mác #75. Thành bể trát xi măng dày 10mm, đánh bóng bằng xi măng nguyên chất. Đế bể dùng bê tông # 200, đá 1x2mm. Thép sử dụng A1, Ra=2100kg/cm²; A2, Ra=2700kg/cm². Đáy bể được đóng cọc tre dài 2m, mật độ 25 cọc/m².

- Nguyên lý hoạt động bể tự hoại như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ cấu trúc bể tự hoại



Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn

*** Hệ thống xử lý nước thải của nhà máy**

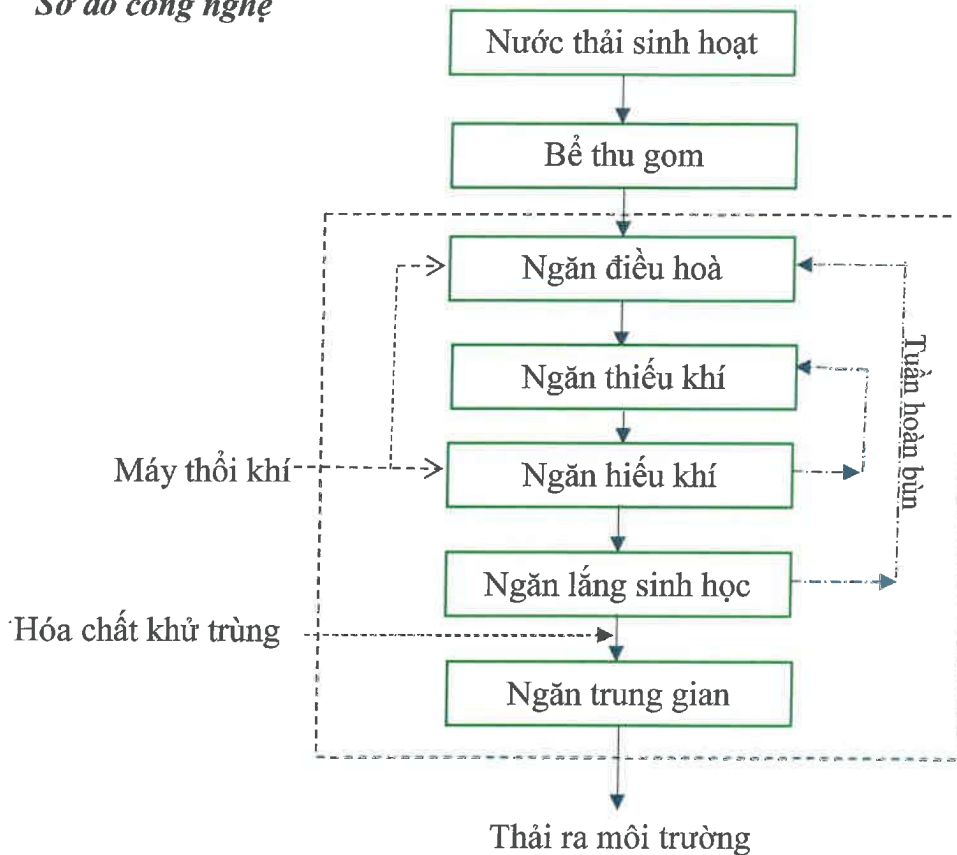
- Lưu lượng nước thải cần xử lý lớn nhất là 10 m³/ngày/đêm, lưu lượng trung bình giờ là 0,42 m³/giờ.

- Công suất của hệ thống xử lý nước thải là 10m³/ ngày/đêm

Nước thải cần xử lý tại nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt. Đặc điểm chung của loại nước thải này là cặn và các chất hữu cơ, vi sinh vật gây bệnh.

- Mức độ yêu cầu xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (K=1,2)

Sơ đồ công nghệ



Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Thuyết minh hệ xử lý nước thải của nhà máy

Nước thải sinh hoạt của công nhân sau khi qua bể tự hoại sẽ tự chảy về hệ thống xử lý bể tiếp nhận được làm bằng bể thép hợp khối không gỉ.

a) Bể thu gom

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực sẽ được chảy vào hệ thống thu gom nước thải. Nước thải từ bể thu gom sẽ được bơm sang ngăn điều hòa.

b) Ngăn điều hòa

Ngăn điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng, nồng độ và tính chất của hỗn hợp nước thải trước khi đi vào các bước xử lý tiếp theo. Tại đây, hệ thống phân phối khí bọt mịn trong bể vừa giúp đảo trộn đều nước thải, vừa giúp oxy hóa một phần chất hữu cơ để phân hủy nhằm tăng hiệu quả xử lý chung của toàn bộ hệ thống. Ngăn điều hòa được cấp liên tục không khí bằng hệ thống phân phối khí thông qua các đĩa phân phối khí dưới đáy ngăn này. Phần khí cấp cho ngăn điều hòa được điều chỉnh bởi nhà thiết kế và được cố định trong quá trình vận hành không cần điều chỉnh nếu không cần

thiết. Nước từ ngăn điều hòa sẽ được bơm với một lưu lượng cố định sang ngăn thiếu khí.

c) Ngăn thiếu khí (anoxic)

Ngăn thiếu khí là nơi diễn ra quá trình denitrification giúp loại bỏ Nitơ có trong nước thải dưới dạng khí N_2 ở điều kiện thiếu oxy. Để nâng cao hiệu quả xử lý và tách phần khí N_2 ra khỏi nước trong ngăn bố trí hệ thống khuấy trộn đảm bảo đạt hiệu suất xử lý cao.

d) Ngăn hiếu khí (oxic)

Nước từ ngăn anoxic (thiếu khí) tự chảy sang ngăn oxic (hiếu khí) tại đây nước thải và vi sinh vật được cấp khí để hòa trộn đều nồng độ chất thải và để tạo điều kiện hoạt động cho vi sinh vật hiếu khí hấp thụ các chất ô nhiễm. Tại đây xảy ra quá trình oxy hóa các chất hữu cơ có trong nước thải và quá trình nitrat hóa nhờ việc cấp khí vào thông qua hệ thống đĩa phân phối khí bọt mịn. Nước sau ngăn hiếu khí sẽ tự chảy sang ngăn lắng thứ cấp để thực hiện quá trình lắng tách bùn.

e) Ngăn lắng sinh học

Tại ngăn lắng diễn ra quá trình lắng tách bông bùn sinh học nhờ tác dụng của lực trọng lực. Phần bùn lắng phía dưới, một phần sẽ được bơm tuần hoàn lại bể hiếu khí nhằm duy trì nồng độ sinh khối trong hệ thống, phần bùn dư còn lại sẽ được bơm về ngăn nén bùn.

f) Ngăn trung gian

Nước sau khi lắng chảy qua hệ thống trộn hoá chất khử trùng rồi chảy về ngăn trung gian. Ngăn trung gian chứa nước sau khi trộn hoá chất khử trùng, giúp hoá chất đạt hiệu quả xử lý triệt để. Nước ở ngăn trung gian khi đầy sẽ được bơm thải ra ngoài môi trường.

Bảng 3.3. Thiết bị sử dụng trong trạm xử lý nước thải của nhà máy

STT	Tên thiết bị	Công suất (KW)	Chức năng
1	02 Máy thổi khí	0,37	Cấp khí cho ngăn điều hòa, ngăn hiếu khí
2	01 bơm nước bê thu gom	0,55	Bơm nước từ bể thu gom lên ngăn điều hòa
3	01 bơm bùn hồi lưu ở bể lắng đặt chìm	0,25	Bơm bùn từ ngăn lắng về ngăn thiếu khí và xả bỏ bùn dư về ngăn chứa bùn sinh học
4	01 bơm thoát nước thải	0,55	Bơm nước sau xử lý xả ra môi trường

Bảng 3.4. Kích thước các bể xử lý của trạm xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Kích thước
1	Bê thu gom	1,2 x 1,2 x 1m
2	Ngăn điều hoà	1,2 x 2 x 2m
3	Ngăn thiếu khí	1,2 x 2 x 2m
4	Ngăn hiếu khí	1,4 x 2 x 2m
5	Ngăn lắng	1,2 x 2 x 2m

6	Ngăn trung gian	1,2 x 1,2 x 1m
---	-----------------	----------------

Bảng 3.5. Danh mục hoá chất sử dụng trong quá trình xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Clorua	kg/ngày	0,08

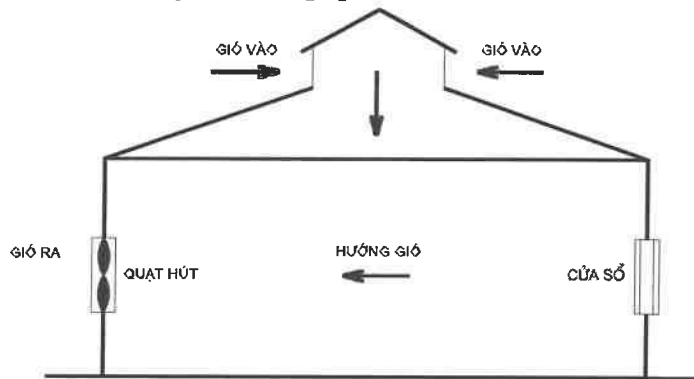
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Thông thoáng nhà xưởng

Để cải thiện điều kiện môi trường làm việc, nhà máy đã bố trí hợp lý các bộ phận quạt thông gió. Nhà xưởng được bố trí thông thoáng với điều kiện tự nhiên hợp lý nhất.

Để giảm thiểu tác động xấu của hơi dung môi tới sức khỏe người lao động và điều hòa vi khí hậu của các xưởng sản xuất, Công ty đã thực hiện biện pháp thông gió tự nhiên kết hợp thông gió cưỡng bức.

Gió vào nhà xưởng qua các cửa thông gió phía trên mái và qua các cửa ra vào của nhà xưởng, còn không khí bên trong nhà xưởng được quạt hút hút ra ngoài. Hỗ trợ cho quá trình lưu thông không khí, tại các khu vực in, gia công để giày còn lắp đặt các quạt trần và quạt gió công nghiệp. Thông qua quá trình trao đổi gió cưỡng bức trên, bụi và hơi dung môi bên trong nhà xưởng sẽ được hút đẩy ra bên ngoài và phát tán nhanh vào môi trường không khí xung quanh.



Hình 3.6. Sơ đồ thông gió cưỡng bức của xưởng sản xuất

Đặc tính kỹ thuật của quạt hút công nghiệp: Loại quạt công nghiệp thông gió vuông này đặc trưng là tiếng ồn gây ra thấp, tiết kiệm điện, lưu lượng gió cung cấp lớn. Để lắp đặt là sự lựa chọn lý tưởng cho giải pháp hệ thống thông gió.

- Kiểu dáng: Hình vuông 700x700mm
- Công suất: 1.10 KW
- Tốc độ: 1.420 vòng/phút
- Lưu lượng: 21.000 m³/h
- Khối lượng: 39 kg



Hình 3.7. Quạt hút công nghiệp

Định kỳ 01 tháng/lần công ty sẽ vệ sinh bụi sau quạt hút để đảm bảo hiệu suất và độ bền của quạt.

Biện pháp sử dụng cây xanh để giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

Cây xanh có tác dụng che nắng, giảm bức xạ mặt trời chiếu xuống mặt đất, hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm bức xạ phản xạ, giảm nhiệt độ của không khí, hấp thu tiếng ồn. Sóng âm truyền qua các dải cây xanh sẽ bị suy giảm năng lượng, mức cường độ âm thanh giảm đi nhiều hay ít phụ thuộc vào mật độ lá cây, kiểu lá và kích thước của cây xanh, chiều rộng của dải đất trồng. Các dải cây xanh sẽ có tác dụng phản xạ âm, do đó làm giảm mức ồn trong nhà máy.

Khả năng giữ bụi trên cành lá của cây (lọc bụi) phụ thuộc vào đặc thù của lá cây (càng nhám càng dễ bắt bụi), lá to hay nhỏ, dày hay thưa, lùm cây hay tán cây... và phụ thuộc vào thời tiết. Nếu có mưa định kỳ đều đặn thì hiệu quả lọc bụi của cây xanh tốt hơn khi trời khô nắng liên tục.

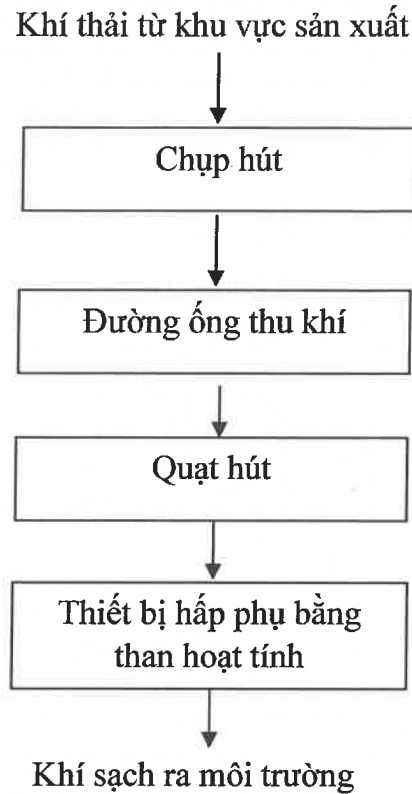
Do đó, để hạn chế tác động xấu của ô nhiễm không khí tới môi trường tự nhiên, đồng thời làm đẹp cảnh quan môi trường nhà máy, nhà máy đã quy hoạch cây xanh cách ly, cây xanh đường giao thông.

2.2. Các công trình xử lý khí thải nhà máy

Công ty TNHH Liên Thành VN đã hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng lắp đặt, thi công hệ thống xử lý khí thải công suất từ 5.200 - 8.300 m³/h. Công ty đã lắp đặt 1 hệ thống xử lý khí thải phát sinh của công đoạn dán keo. Hệ thống xử lý khí được mô tả chi tiết như sau:

Hệ thống xử lý khí thải phát sinh công đoạn phun sơn

- Chức năng: Xử lý khí thải phát sinh tại khu vực dán keo
- Công nghệ: Xử lý bằng than hoạt tính cacbon
- Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải phát sinh như sau:



Hình 3.8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải

Thuyết minh công nghệ

Quạt hút hút khí thải thông qua các chụp hút rồi đẩy qua thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính bao gồm ba lớp: lớp lọc thô, lọc tinh và than hoạt tính. Lớp lọc thô có tác dụng chặn những thành phần bụi có kích thước $>10\mu\text{m}$. Lớp lọc tinh có tác dụng chặn những thành phần ô nhiễm có kích thước $<10\mu\text{m}$. Than hoạt tính là chất hấp phụ rắn, xốp và không phân cực cho nên nó có thể giữ lại các hơi chứa hợp chất hữu cơ như toluene, ethyl acetat và các chất vô cơ như NO_2 , SO_2 ,... và một số chất nguy hại khác có trong khí thải khi đi qua lớp than này. Khí thải qua thiết bị này được thải ra môi trường qua ống khí.

Bảng 3.6. Danh mục thiết bị hệ thống xử lý khí thải

STT	Thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Quạt hút	Quạt ly tâm - Công suất: 4 KW - Lưu lượng: 5.200-8.300m ³ /h - Áp suất: 2.100 - 1.900Pa	Cái	1
2	Chụp hút	- Kích thước: 2,5x0,5x0,3m - Vật liệu chế tạo: Tôn mạ kẽm dày 0,75mm	Cái	7
3	Ống thu khí chính	- Kích thước: 300x300 - Vật liệu chế tạo: tôn mạ kẽm dày	m	20

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Liên Thành VN

		0,75mm		
4	Ống thu khí nhánh	- Kích thước: 150x150, 200x200 - Vật liệu chế tạo: Tôn mạ kẽm	m	60
5	Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính	- Kích thước: 300x300 - Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 2mm, nhựa, than hoạt tính	Cái	1
6	Đường ống thoát khí	- Kích thước: 300x300 - Vật liệu chế tạo: tôn mạ kẽm dày 0,75mm	m	5

- *Hiệu suất xử lý:*

+ Hiệu suất xử lý đạt khoảng 80 – 85%.

+ Với việc đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất đồng bộ, hiện đại và sử dụng các nguồn nguyên liệu, nhiên liệu sạch, do vậy các thành phần độc hại trong khí thải phát sinh là rất thấp, mức độ tác động đến môi trường không đáng kể. Bên cạnh đó, các biện pháp giảm thiểu đưa ra mang tính khả thi cao do đơn giản trong việc thực hiện, chi phí đầu tư thấp, giảm được chi phí sản xuất. Đảm bảo được hiệu quả xử lý các nguồn phát sinh so với quy chuẩn quy định.

- Ngoài ra, để giảm thiểu tác động tiêu cực tới công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty trang bị đầy đủ thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của khí, bụi phát sinh trong quá trình sản xuất tới sức khỏe con người.

+ Tổ chức vệ sinh nhà xưởng theo quy định sản xuất với tần suất 02 lần/ngày.

+ Vệ sinh máy móc, trang thiết bị sản xuất sau mỗi ca.

+ Thường xuyên vệ sinh, thu dọn khu vực chứa rác đảm bảo sạch sẽ, không phát sinh mùi.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chức năng: Lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

- Thông số kỹ thuật: Sử dụng chung cùng kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 35m².

- Kết cấu kho: Tường bao quanh xây bằng gạch, có mái che kín, bố trí cửa khóa, cửa gắn biển tên, nền kho bằng bê tông được đánh bóng thủ công. Được quản lý theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP về Quản lý chất thải và phế liệu.

- Chất thải rắn phát sinh: bao bì, bìa carton, lõi giấy, dây đai buộc nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng....; Khối lượng phát sinh khoảng 3 kg/ngày.

Bảng 3.7. Thành phần, khối lượng CTR thông thường

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng Kg/ năm	Ký hiệu phân loại
----	---------------	------------	--------------	--------------------	-------------------

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Liên Thành VN

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Liên Thành VN

1	Bao bì carton, bìa carton, lõi giấy	Rắn	12 08 03	300	TT-R
2	Mút xốp, mút EVA	Rắn		150	
3	Vải vụn	Rắn	19 12 08	150	TT-R
4	Sản phẩm hỏng, lõi	Rắn		300	
Tổng				900	

- Phương pháp thu gom: Phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn, lưu giữ đảm bảo, không làm phát tán bụi, rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh để thu gom và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh này theo quy định pháp luật. Tần suất thu gom 6 tháng/lần.

(Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường được đính kèm phụ lục báo cáo).

- Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom CTR công nghiệp thông thường:

Các biện pháp thu gom CTR công nghiệp thông thường mà Nhà máy áp dụng về cơ bản đã thu gom được các loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy, lưu chứa vào khu vực theo quy định, sau đó các loại CTR được vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.2. Công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Chủ cơ sở đã kết hợp với Hợp tác xã thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ngay tại thôn Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Chức năng: Lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Thông số kỹ thuật: 2 Thùng chứa 100 lít.

- Chất thải phát sinh: Thức ăn thừa, túi nilon đựng thực phẩm,... Khối lượng phát sinh 4,6 kg/ngày, cơ sở hoạt động khoảng 300 ngày/năm vì vậy khối lượng phát sinh khoảng 1,4 tấn/ năm.

Tuân thủ theo Khoản 6 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tuân thủ việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

4. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

- Chức năng: Lưu giữ CTNH phát sinh

- Thông số kỹ thuật: khu lưu chứa diện tích 35m².

- Kết cấu kho: tường bao quanh xây bằng gạch, có mái che kín, bố trí cửa khóa, cửa gắn biển tên và biển cảnh báo, xung quanh có rãnh và hố thu chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp rò rỉ xảy ra sự cố.

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

+ Có thiết bị bình cứu hỏa, nội quy, tiêu lệnh PCCC, theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa.

+ Có vật liệu hấp thụ như cát khô và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

- Phương pháp thu gom:

+ Kho chứa CTNH gồm 7 thùng chứa rác thải nguy hại, trong đó: 4 thùng 100 lít đựng bóng đèn huỳnh quang, vỏ can nhựa dính dầu dung môi hóa chất thải, còn lại 3 thùng 50 lít có nắp đậy kín, không rò rỉ, không phát tán ra môi trường và ghi nhãn mác dán trên nắp thùng theo 8 danh mục phát sinh chất thải nguy hại thường xuyên.

- Thành phần khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:

Bảng 3.8. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Keo thải	Lỏng	32,1	08 03 01
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	20,6	16 01 06
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (<i>tắc te, bóng đèn led, bóng lưu điện, ...</i>)	Rắn	18	16 01 13
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	19,1	17 01 06
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	18	17 02 03
6	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	85,2	18 02 01
7	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	18	18 01 01
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	Rắn	182,8	18 01 02
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Rắn	131	18 01 03
	Tổng số lượng		524,8	

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh để thu gom và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh này theo quy định pháp luật. Tần suất thu gom 6 tháng/lần.

(Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại được đính kèm phụ lục báo cáo).

*** Trách nhiệm của Công ty về việc lưu giữ chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại**

- Yêu cầu đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải (Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh) cung cấp chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại sau mỗi lần chuyển giao CTNH.

*** Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom chất thải nguy hại:**

Đã thu gom lưu chứa được toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy, phân loại trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, đưa đi xử lý theo quy định.



Hình 3.9. Các kho chứa rác thải nhà máy

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý;
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Tần suất 3 tháng/lần;
- Quy định tốc độ đối với các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy, tốc độ từ 5-10 km/h và tuân theo sự điều phối của bảo vệ;
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân ở những khu vực có cường độ tiếng ồn cao như kính bảo hộ, khẩu trang chống bụi, ủng, găng tay, nút bịt tai... cho công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn;
- Bố trí thời gian nhập nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động;
- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao;
- Đối với người lao động tại khu vực có độ ồn cao phải được trang bị các thiết

bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải;

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn;
- Sử dụng các loại máy móc hiện đại ít gây ra tiếng ồn lớn;
- Lắp đặt hệ thống giảm thanh cho các máy móc, thiết bị gây tiếng ồn;
- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên Nhà máy.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bể tự hoại

- Định kỳ 2 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình;

- Chủ cơ sở thuê đơn vị có đủ chức năng hút bùn bể tự hoại với tần suất 3 - 6 tháng/lần.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải và khu vực lưu giữ chất thải rắn nguy hại của nhà máy

6.2.1 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải của nhà máy

- Phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất và an toàn tiếp xúc với hóa chất
 - + Các loại hóa chất được vận chuyển đến các hệ thống xử lý nước thải của nhà máy bằng các phương tiện chuyên dụng do nhà cung cấp đưa đến. Hóa chất được lưu giữ thích hợp trong nhà kho;
 - + Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất;
 - + Tất cả công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất;
 - + Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang các dụng cụ an toàn cá nhân như khẩu trang, kính, găng tay... Các dụng cụ sơ cấp cứu như dụng cụ rửa mắt, oxy già, băng keo cá nhân, gạc, ... được đặt tại tủ thuốc y tế.
- Phòng ngừa sự cố hiệu suất xử lý không đạt:
 - + Tuân thủ các yêu cầu thiết kế;
 - + Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải;
 - + Định kỳ thực hiện quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải sau xử lý;
 - + Có kế hoạch và sổ theo dõi kiểm tra quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị hàng tuần, ghi lại các thiết bị cần sửa chữa hay dự phòng thay mới;
 - + Trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ bị mài mòn, thường xuyên hư hỏng do trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Do đó các thiết bị hỏng sẽ được thay thế kịp thời khi phát hiện hỏng hóc;

+ Các sự cố phát sinh ngoài khả năng của nhân viên vận hành thì báo ngay cho đơn vị xây dựng hệ thống xử lý tiến hành sửa chữa kịp thời;

+ Khi có sự cố Chủ cơ sở sẽ tiến hành sửa chữa với thời gian nhanh nhất để đưa hệ thống đi vào hoạt động trở lại;

+ Trong trường hợp sự cố hệ thống, Nhà máy sẽ dừng hoạt động để tiến hành khắc phục sự cố.

+ Lập sổ ghi chép nhật ký hóa chất sử dụng.

* *Quy mô, công suất, quy trình vận hành, thông số kỹ thuật cơ bản công trình:*

Được làm rõ tại mục 1.3 chương III của báo cáo

6.2.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý khí thải của nhà máy

+ Công nhân vận hành phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý và phát tán bụi từ các hệ thống xử lý;

+ Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, van điều khiển, quạt hút... Đồng thời, thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

+ Chuẩn bị một số thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như: bơm dự phòng, hệ thống van, đường ống và các phụ tùng khác;

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động để có biện pháp khắc phục kịp thời;

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

+ Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;

+ Lấy mẫu và phân tích chất lượng khí thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị quạt, thông gió.

+ Giáo dục tuyên truyền, nâng cao nhận thức BVMT và tập huấn phòng chống ứng cứu sự cố rủi ro cho cán bộ, công nhân viên của Cơ sở.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý không khí bị trục trặc, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra trục trặc thiết bị.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực bị hư hỏng thiết bị xử lý không khí cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

6.2.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khu vực lưu giữ chất thải rắn nguy hại của nhà máy

- Hằng ngày yêu cầu đội vệ sinh thu gom chất thải từ các khu vực phát sinh để tập kết về thùng chứa đặt trong kho chứa rác thải.

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải.

- Kho chứa chất thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải.

- Các thùng chứa chất thải phải là loại có nắp đậy, có dung tích đủ để lưu chứa chất thải phát sinh.

- Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để chất thải đầy kho, tràn ra ngoài.

6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

6.3.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

a. Biện pháp phòng cháy

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc.

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải nắm vững các tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các loại nguyên vật liệu, vật tư hóa chất có trong cơ sở.

- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư thiết bị nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.

- Những nơi mà trong quá trình sản xuất sinh ra khí, hơi và bụi dễ cháy nổ thì phải lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức, hoặc cho thêm các phụ gia trợ hạn chế nồng độ lượng chất nguy hiểm cháy, nổ xuống dưới giới hạn cháy nổ.

- Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

- Hạn chế để nguyên liệu, hàng hóa, tập trung tại nơi sản xuất. Chỉ để các loại hàng hóa, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất. Các loại vật tư, nguyên liệu chưa sử dụng đến hoặc hàng hóa đã sản xuất xong phải để trong kho lưu trữ riêng biệt.

- Không sử dụng nguồn nhiệt, lửa trần trực tiếp ở nơi có nguy hiểm về cháy nổ.
- Phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ trong các khu vực sản xuất.
- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.
- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.
- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.
- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.
- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước.
- Thành lập đội PCCC trong công ty.
- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước.
- Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.
- Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bang thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có tính dẫn điện để hở của thiết bị điện, khung kim loại của bảng điện và bảng điều khiển, vỏ kim loại của các máy điện di động và cầm tay theo quy định tại TCVN 9358:2012- Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp – Yêu cầu chung.
- Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống nối đất cho các thiết bị điện theo quy định tại TCVN 9358:2012 – Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp – Yêu cầu chung và theo quy định tại Quy phạm trang bị điện – Phần I. Quy định chung, ký hiệu TCN – 11-18-2006.
- Thường xuyên kiểm tra phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở thiếu sót về PCCC.
- Công ty dự kiến sẽ lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;

hệ thống chữa cháy, báo cháy tự động; đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát hiểm; trang bị phương tiện PCCC tại chỗ và giao thông phục vụ chữa cháy; nổi và đường thoát hiểm.

b. Biện pháp chữa cháy:

- Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.
- Cắt điện tại khu vực cháy.
- Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.
- Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.
- Danh mục thiết bị, phục vụ cho PCCC của nhà máy như sau:

Bảng 3.9. Danh mục thiết bị, phục vụ cho PCCC của nhà máy

TT	Công cụ, dụng cụ PCCC	Đơn vị	Số lượng
1	Hộp chữa cháy trong nhà	Hộp	3
2	Cuộn vòi chữa cháy D50 dài 20m	Cuộn	6
3	Khớp nối đầu vòi chữa cháy D50	Cái	6
4	Khớp nối ren trong D50	Cái	6
5	Lăng B chữa cháy D50/13	Cái	3
6	Van góc D50	Cái	3
7	Bình bột chữa cháy loại MFZL4, MFZL8	Bình	36
8	Bình bột chữa cháy loại MFZT35	Bình	3
9	Bình khí CO ₂ MT3	Bình	15

Nguồn: Công ty TNHH Liên Thành VN

6.3.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

Để đảm bảo sự an toàn tuyệt đối trong quá trình nhà máy đi vào hoạt động Công ty thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn lao động sau:

- Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ....
- Trang bị các thiết bị sơ cứu cần thiết, được đặt trong khu vực làm việc của công nhân và phòng bảo vệ.
- Thường xuyên kiểm tra dây chuyền sản xuất để kịp thời khắc phục sự cố.
- Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo đúng theo quy định tại các Điều 36, 37, 38 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động;
- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo

quy định tại các Điều 76, 78 của Luật an toàn, vệ sinh lao động;

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định, kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Quy định an toàn sử dụng điện:

+ Các thiết bị điện phải thực hiện tiếp đất

+ Để tiếp đất cho các thiết bị sử dụng cọc hoặc trụ tiếp đất để tạo các hồ tiếp đất cần thiết với điện trở $R_{td} < 10\Omega$.

+ Có các cầu dao an toàn đối với các thiết bị

- Bố trí khu vực đỗ xe chờ không ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động vận chuyển sản phẩm, nguyên liệu của Nhà máy.

- Bố trí các biển cảnh báo về an toàn giao thông trên đường vận chuyển, nhất là các đoạn có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn như: đoạn giao với Quốc lộ, đường liên xã, gần trường học, chợ, giao nhau với đường ưu tiên....

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- Lập phương án phù hợp khi có sự cố tai nạn xảy ra, thực hiện diễn tập và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ phụ trách 1 năm/lần.

6.3.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

a. Các biện pháp phòng ngừa

- Chọn những nhà cung cấp thực phẩm đảm bảo.

- Đề ra nội quy và thực hiện theo Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010.

- Đơn vị chế biến thực phẩm sẽ thực hiện mọi biện pháp để thực phẩm không bị nhiễm bẩn, nhiễm mầm bệnh có thể lây truyền sang người, động vật, thực vật.

- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

b. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp dưới 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm:

Bộ phận y tế của nhà máy sẽ tiến hành sơ cứu, tìm hiểu nguyên nhân. Đối với bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

+ Khi các công nhân có các triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Đau bụng, đau đầu, buồn nôn, đi ngoài. Bộ phận y tế sẽ phối hợp với các phòng ban chức năng khác của công ty khẩn trương thành lập bệnh viện dã chiến, khu vực khám phân loại bệnh nhân.

+ Đối với các bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển

bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

+ Đối với các bệnh nhân còn lại, tổ chức điều trị tại bệnh viện dã chiến của công ty. Phối hợp với các cơ quan chức năng tìm hiểu nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm và thực hiện các biện pháp khắc phục.

6.3.4. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

- Kho hoá chất có diện tích: 30 m².
- Bảo quản hóa chất ở khu vực khô mát, thoáng gió và theo quy định chi tiết tại các phiếu an toàn hóa chất.
- Giữ thiết bị chứa đựng hóa chất ngay ngắn, đóng kín khi không sử dụng.
- Trong trường hợp làm việc liên tục với hóa chất công nhân phải được trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang, kính mặt, găng tay, quần áo bảo hộ.
- Khi sử dụng hóa chất phải thực hiện ở khu vực có hệ thống thông gió, tránh để rơi vãi ra môi trường.

6.3.5. Biện pháp giảm thiểu sự cố dịch bệnh

Để đảm bảo công tác y tế tại khu vực đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện như sau:

- Phối hợp với trạm y tế khu vực, bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, và các cơ sở y tế gần nhất trong công tác phòng ngừa dịch bệnh.
- Thực hiện tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên, phổ biến kiến thức cho khách tới Nhà máy, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tuyên truyền, nâng cao ý thức tự bảo vệ của người dân, tránh các nguồn lây lan dịch bệnh ra cộng đồng.

7. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch Bảo vệ môi trường

Bảng 3.10. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt

STT	Hạng mục công trình	Quy mô, công suất theo KHBVMT được phê duyệt	Hạng mục theo thực tế sau khi được cải tạo
1	Hệ thống xử lý khí thải	Không lắp đặt	Đã lắp đặt hệ thống xử lý công suất 5.200-8.300m ³ /h
2	Hệ thống xử lý nước thải	Nước thải sản xuất được đơn vị thu gom xử lý theo quy định	Không phát sinh nước thải sản xuất do đã bỏ công đoạn in

Nguồn: Công ty TNHH Liên Thành VN

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân trong nhà máy.

- Dòng nước thải: 1 dòng nước thải sau xử lý bởi hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 10m³/ngày.đêm

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Các thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Mức A	C _{max} với (K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	5 – 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	60		
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	500	600		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	6		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000	3.000		

Ghi chú:

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải:

+ Tọa độ điểm xả tại nguồn tiếp nhận: theo tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰)

$$X = 2\ 317\ 650,09; Y = 568\ 954,19$$

+ Phương thức xả thải: xả cưỡng bức;

- + Chế độ xả: Gián đoạn;
- + Nguồn tiếp nhận: Mương thoát nước của khu vực

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh: Khu vực dán keo
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 5.200 - 8.300 m³/h
- Dòng thải: một dòng phát thải sau hệ thống xử lý khí thải công suất 5.200 - 8.300 m³/h.

Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Thông số	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Toluen	750	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Ethyl acetat	1.400		

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả khí thải: theo tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)
X= 2 317 610,66; Y= 569 012,43

+ Phương thức xả khí thải: xả thải gián đoạn 8/24h

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của xe vận chuyển

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Thông số		QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	6 giờ đến 21 giờ	70 dBA	
		21 giờ đến 6 giờ	55 dBA	
2	Độ rung	6 giờ đến 21 giờ		70dB
		21 giờ đến 6 giờ		60dB

Ghi chú:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

+ Vị trí phát sinh tiếng ồn chính là khu vực sản xuất: theo tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

$$X= 2\ 317\ 614,48; Y= 569\ 045,63$$

4. Quản lý chất thải rắn

Bảng 4.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng Kg/ năm	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì carton, bìa carton, lõi giấy	Rắn	12 08 03	300	TT-R
2	Mút xốp, mút EVA	Rắn		150	
3	Vải vụn	Rắn	19 12 08	150	TT-R
4	Sản phẩm hỏng, lõi	Rắn		300	
Tổng				900	

Bảng 4. 5. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Keo thải	Lỏng	32,1	08 03 01
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	20,6	16 01 06
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (<i>tắc te, bóng đèn led, bóng lưu điện, ...</i>)	Rắn	18	16 01 13
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	19,1	17 01 06
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	18	17 02 03
6	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	85,2	18 02 01
7	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	18	18 01 01
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	Rắn	182,8	18 01 02
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Rắn	131	18 01 03
Tổng số lượng			524,8	

Chất thải sinh hoạt phát sinh của nhà máy khoảng 1,4 tấn/năm

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải và nước mặt

Từ sau khi được phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ Môi trường công ty đã chấp hành đầy đủ những yêu cầu do Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng đưa ra. Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ với kết quả quan trắc như sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2024 của nhà máy

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích		QCVN 40:2011/ BTNMT (Mức A)	QCVN 14:2008/ BTNMT (Mức A)
			2024			
			NT			
			15/5	29/10		
1	pH	-	7,2	7,33	6 - 9	5 - 9
2	TSS	mg/l	<15	<15	50	50
3	TDS	mg/l	183	198	-	500
4	BOD ₅	mg/l	KPH	3	30	30
5	N _{tổng}	mg/l	4,2	5,6	20	-
6	P _{tổng}	mg/l	<0,15	0,18	4	-
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	KPH	KPH	5	5
8	Cl ⁻	mg/l	64	19	500	-
9	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	0,99	0,98	-	30
10	PO ₄ ⁻ -P	mg/l	0,06	KPH	-	6
11	S ²⁻	mg/l	<0,04	<0,04	0,2	1,0
12	Chất HDBM	mg/l	0,13	0,11	-	5
13	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	KPH	KPH	5	-
14	Coliform	MPN/100ml	540	<2	3000	3000

Nguồn: Công ty TNHH Liên Thành VN

Ghi chú

- NT: Nước thải sau hệ thống xử lý
- + QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng mức A.
- + QCVN 14:2008/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, áp dụng mức A.

Theo kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ năm 2024 bảng trên, nhận thấy chất lượng nước thải sau xử lý của các thông số đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 40:2011/ BTNMT (Mức A) và QCVN 14:2008/ BTNMT (Mức A). Do đó hệ thống xử lý nước thải cơ sở hoạt động ổn định.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí

Bảng 5.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh của nhà năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích		Giới hạn cho phép
			2024		
			K		
			15/5	29/10	
1	Nhiệt độ	°C	26,4	29,4	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	71,7	72,3	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,23	0,3	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn (LA _{eq})	dBA	62,8	65,2	≤85 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn (LA _{max})		66,7	69,9	≤115 ⁽²⁾
6	CO	mg/m ³	<9	<9	40 ⁽³⁾
7	NO2	mg/m ³	0,024	0,024	10 ⁽³⁾
8	SO2	mg/m ³	<0,040	<0,04	10 ⁽³⁾
9	Bụi Tổng	mg/m ³	0,72	0,64	8 ⁽⁴⁾
10	Toluen	mg/m ³	3,598	6,574	300 ⁽³⁾
11	Xylen	mg/m ³	KPH	0,023	300 ⁽³⁾
12	Ethyl acetat	mg/m ³	0,866	KPH	1441 ^(a)
14	Cyclohexane	mg/m ³	KPH	KPH	1000 ⁽⁵⁾

Nguồn: Công ty TNHH Liên Thành VN

Ghi chú:

K: Khu vực gia công nguyên liệu giấy xường 2

(a): Theo Viện Quốc gia về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ

(1) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

(2) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, trung bình 8 giờ;

(3) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc;

(4) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

(5) QĐ 3733-2002/BYT: Quyết định của Bộ Y tế về tiêu chuẩn vệ sinh lao động;

Theo kết quả phân tích mẫu không khí định kỳ năm 2024 bảng trên, nhận thấy chất lượng môi trường không khí xung quanh nhà máy đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016, QCVN 03/BYT, QCVN 02/BYT và QĐ 3733-2002/BYT.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Tên công trình hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1.	Hệ thống xử lý khí thải	01/1/2025	31/3/2025
2.	Hệ thống xử lý nước thải	01/1/2025	31/3/2025

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc các công trình xử lý chất thải của nhà máy

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG BỤI, KHÍ THẢI TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH				
1	Khí thải sau xử lý	Ethyl acetat, Toluen	3 ngày liên tục	QCVN 20:2009/BTNMT
2	Nước thải sau xử lý	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ ĐTV, Chất HDBM, Phosphat, Tổng Coliforms	3 ngày liên tục	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A

- Giám sát khác:

+ Theo dõi lượng chất thải rắn, CTNH sản xuất phát sinh và được xử lý.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm quan trắc và Phân tích môi trường thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương.

Trung tâm quan trắc và Phân tích môi trường thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương có:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 017 ban hành và thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi Trường, Các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chấp nhận.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Giám sát nước thải: Theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, hoạt động sản xuất của công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ do không có lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường

- Giám sát bụi, khí thải công nghiệp: Theo quy định tại khoản 2 Điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, hoạt động sản xuất của công ty không thuộc đối tượng

phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ do không có lưu lượng xả thải lớn ra môi trường

2.2. Chương trình quan tự động, liên tục chất thải

- Giám sát nước thải: Theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, hoạt động sản xuất của công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ do không có lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường.

- Giám sát bụi, khí thải công nghiệp: Theo quy định tại khoản 2 Điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, hoạt động sản xuất của công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ do không có lưu lượng xả thải lớn ra môi trường

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ sở: không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của nhà máy: không có

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong hai năm gần đây là năm 2023 và năm 2024 Công ty TNHH Liên Thành VN có một đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Tuy nhiên, quá trình kiểm tra không thấy bất kỳ vi phạm nào và không có biên bản được lập đối với cơ sở.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Liên Thành VN bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Chủ cơ sở cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột A; quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước được cấp cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

PHỤ LỤC BÁO CÁO

a. Văn bản pháp lý

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Hợp đồng thuê nhà xưởng
3. Quyết định phê duyệt Kế hoạch bảo vệ môi trường
4. Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải và biên bản nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải
5. Hóa đơn điện nước
6. Hợp đồng thu gom chất thải
7. Sổ đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại
8. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2024.

b. Các bản vẽ

1. Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom nước mưa và nước thải
2. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải
3. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải
4. Bản vẽ hoàn công phòng cháy chữa cháy
5. Bản vẽ hoàn công kho chứa chất thải nguy hại, và chất thải thông thường
6. Bản vẽ hoàn công bể tự hoại